# CHỦ ĐỀ 2: THANH TOÁN QUỐC TẾ

## PHẦN 1: TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

## (FOREIGN EXCHANGE RATE)

# 1. KHÁI NIỆM

- Tỷ giá hối đoái là quan hệ so sánh giữa hai loại tiền tệ với nhau.

Hoặc là:

- Tỷ giá hối đoái là giá cả của đồng tiền này tính bằng một số đơn vị đồng tiền kia.

# 2.QUY ƯỚC TÊN ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

- Tổ chức tiêu chuẩn quốc tế ISO quy ước tên đơn vị tiền tệ của một quốc gia được viết bằng 3 ký tự. Hai ký tự đầu là tên quốc gia, ký tự sau cùng là tên đồng tiền.

Ví dụ:

USD: Dolla Mỹ

GBP: Bảng Anh

EUR: Đồng Euro của Liên minh châu Âu

JPY: Yên Nhật

# 3.QUY ƯỚC CÁCH VIẾT TỶ GIÁ

- Gọi x, y là hai đồng tiền. Trong đó:

Ta có S(x/y) = a

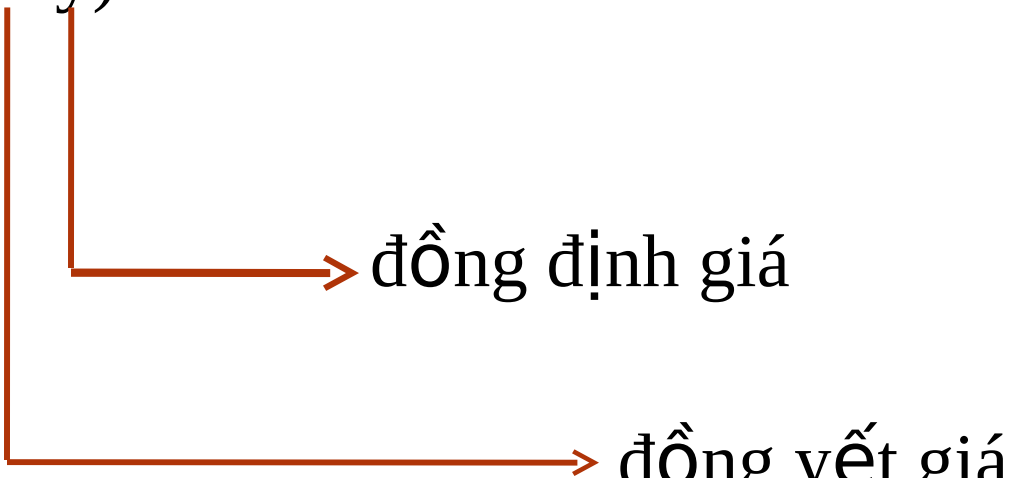


=> 1 x = ay

# 4. PHƯƠNG PHÁP YẾT GIÁ

- Yết giá trực tiếp (direct quotation): biểu thị giá trị 1 đơn vị ngoại tệ thông qua một số lượng nội tệ nhất định.
- Yết giá gián tiếp (indirect quotation): biểu thị giá trị 1 đơn vị nội tệ thông qua một số lượng ngoại tệ.

# 5. CÁC LOẠI TỶ GIÁ

- Tỷ giá Ngân hàng Nhà nước
- Tỷ giá của ngân hàng thương mại:
  - Tỷ giá mua (Bid rate)
  - Tỷ giá bán (Ask rate/Offer rate)
- Tỷ giá liên ngân hàng

# 6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TỶ GIÁ CHÉO

Tỷ giá chéo (crossed rate): tỷ giá giữa 2 đồng tiền được tính toán thông qua một đồng tiền thứ 3.

- Trường hợp 1: 2 đồng tiền yết giá trực tiếp
- Trường hợp 2: 2 đồng tiền yết giá gián tiếp
- Trường hợp 3: 1 đồng tiền yết giá trực tiếp, 1 đồng tiền yết giá gián tiếp.

# CHỦ ĐỀ 2: THANH TOÁN QUỐC TẾ

## PHẦN 2: NHỮNG PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ (INTERNATIONAL PAYMENT INSTRUMENTS)

# CÁC PHƯƠNG TIỆN TTQT

- Hối phiếu (Bill of Exchange)
- Lệnh phiếu (Promissory notes)
- Séc (Cheque/check)
- Thẻ thanh toán ( Plastic Card)

# 1. VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

Hệ thống luật điều chỉnh:

- ULB 1930 (Uniform Law for Bill of Exchange) – Luật thống nhất hối phiếu – công ước Geneva 1930 - 1931.
- BEA (Bill of exchange Act 1882) – Đạo luật hối phiếu của Anh
- UCC 1962 (Uniform Commercial Code 1962) - Luật Mỹ.

# 1. KHÁI NIỆM

Theo luật hối phiếu của Anh (BEA 1882): *Hối phiếu là một mệnh lệnh vô điều kiện bằng văn bản do một người ký phát để đòi tiền người khác bằng việc yêu cầu người này, khi nhìn thấy hối phiếu hoặc đến một ngày nhất định; hoặc một ngày có thể xác định trong tương lai; phải trả một số tiền nhất định cho người thụ hưởng; hoặc theo lệnh của người này trả cho người khác; hoặc trả cho người cầm phiếu.*

# 2. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN TẠO LẬP HỐI PHIẾU

- Người ký phát (Drawer): người chủ nợ (XK)
- Người trả tiền (Drawee): ngừơi thiếu nợ (NH phát hành LC, NK)
- Người hưởng lợi (Beneficiary): người thụ hưởng hối phiếu (XK, người khác do người ký phát chỉ định).

# 3. ĐẶC TÍNH

- Tính trừu tượng
- Tính bắt buộc trả tiền
- Tính lưu thông

# 4. NỘI DUNG

1. Tiêu đề
2. Số hiệu
3. Địa điểm ký phát
4. Ngày ký phát
5. Số tiền bằng số
6. Thời hạn trả tiền
7. Thứ tự số bản của HP
8. Mệnh lệnh đòi tiền vô đk
9. Tên người thụ hưởng
10. Số tiền bằng chữ
11. Tham chiếu chứng từ kèm theo
12. Tên người trả tiền
13. Tên và chữ ký của người ký phát

No *40 – KH*

# BILL OF EXCHANGE

Nha Trang, May 21, 2010

For *USD 65,065.88*

At *xxx* sight of this **FIRST** Bill of Exchange (Second of the same tenor and date being unpaid) Pay to the order of *JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM, NHA TRANG BRANCH* the sum of *U.S dollars five thousand sixty five and cents eighty eight only.*

Value received as per our invoice(s) No(s) *747868* dated *April 09, 2010.*

Drawn under *HSBC* confirmed/irrevocable/without recourse L/C No *5819551905* dated/wired *July 09, 2009.*

To HSBC

On behalf of ABC Co.Ltd

Authourized signature

# 5. PHÂN LOẠI

Căn cứ vào người ký phát HP

- HP Ngân hàng (Bank bills)
- HP thương mại (Commercial bills)

Căn cứ vào người thụ hưởng

- HP đích danh (nominated bills)
- HP theo lệnh (order bills)
- HP vô danh (bearer bills)

# 5. PHÂN LOẠI

Căn cứ thời hạn trả tiền

- HP trả ngay (sight draft)
- HP có kỳ hạn (time draft)

Căn cứ phương thức thanh toán

- HP được sử dụng trong PT nhờ thu
- HP được sử dụng trong PT tín dụng chứng từ

# 6. CÁC NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN LƯU THÔNG HP

- Chấp nhận HP (Acceptance)
- Ký hậu HP (Endorsement)
- Bảo lãnh HP (Guaranty)
- Từ chối trả tiền và kháng nghị (Protest)
- Chiết khấu (Discount)

# CHỦ ĐỀ 2: THANH TOÁN QUỐC TẾ

## PHẦN 3: CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ

# CÁC PT THANH TOÁN QUỐC TẾ

1. PT chuyển tiền (Remittance)
2. PT nhờ thu (Collection)
3. PT giao chứng từ nhận tiền (CAD)
4. PT tín dụng chứng từ (Documentary Credit)

# QUY ĐỊNH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THANH TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN XNK

- Các hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến xnk hàng hoá, dịch vụ đều phải thông qua tổ chức tín dụng được phép.
- Phải chuyển toàn bộ ngoại tệ từ hoạt động XK vào tài khoản ngoại tệ mở tại tổ chức tín dụng được phép ở VN.
- Được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép để thanh toán NK.

[*Điều 7, pháp lệnh quản lý ngoại hối 2005*]

# 1. PT CHUYỂN TIỀN

Khái niệm:

*PT chuyển là PTTT trong đó một khách hàng của ngân hàng (gọi là người chuyển tiền) yêu cầu ngân hàng chuyển một số tiền nhất định cho người thụ hưởng ở một địa điểm nhất định.*

# 1. PT CHUYỂN TIỀN

Các bên liên quan:

- Người chuyển tiền: người NK
- NH chuyển tiền: NH phục vụ người chuyển tiền
- NH đại lý: NH phục vụ người thụ hưởng và có quan hệ đại lý với NH chuyển tiền.
- Người thụ hưởng: người XK.

# 1. PT CHUYỂN TIỀN

Phân loại

Căn cứ vào hình thức lệnh chuyển tiền:

- Chuyển tiền bằng thư (MT – Mail Transfer)
- Chuyển tiền bằng điện (TT - Telegraphic Transfer)

Căn cứ vào thời hạn trả tiền:

- Chuyển tiền trả trước
- Chuyển tiền trả sau
- Chuyển trước 1 phần, chuyển sau 1 phần.

# 1. PT CHUYỂN TIỀN TRẢ TRƯỚC

Quy trình thanh toán

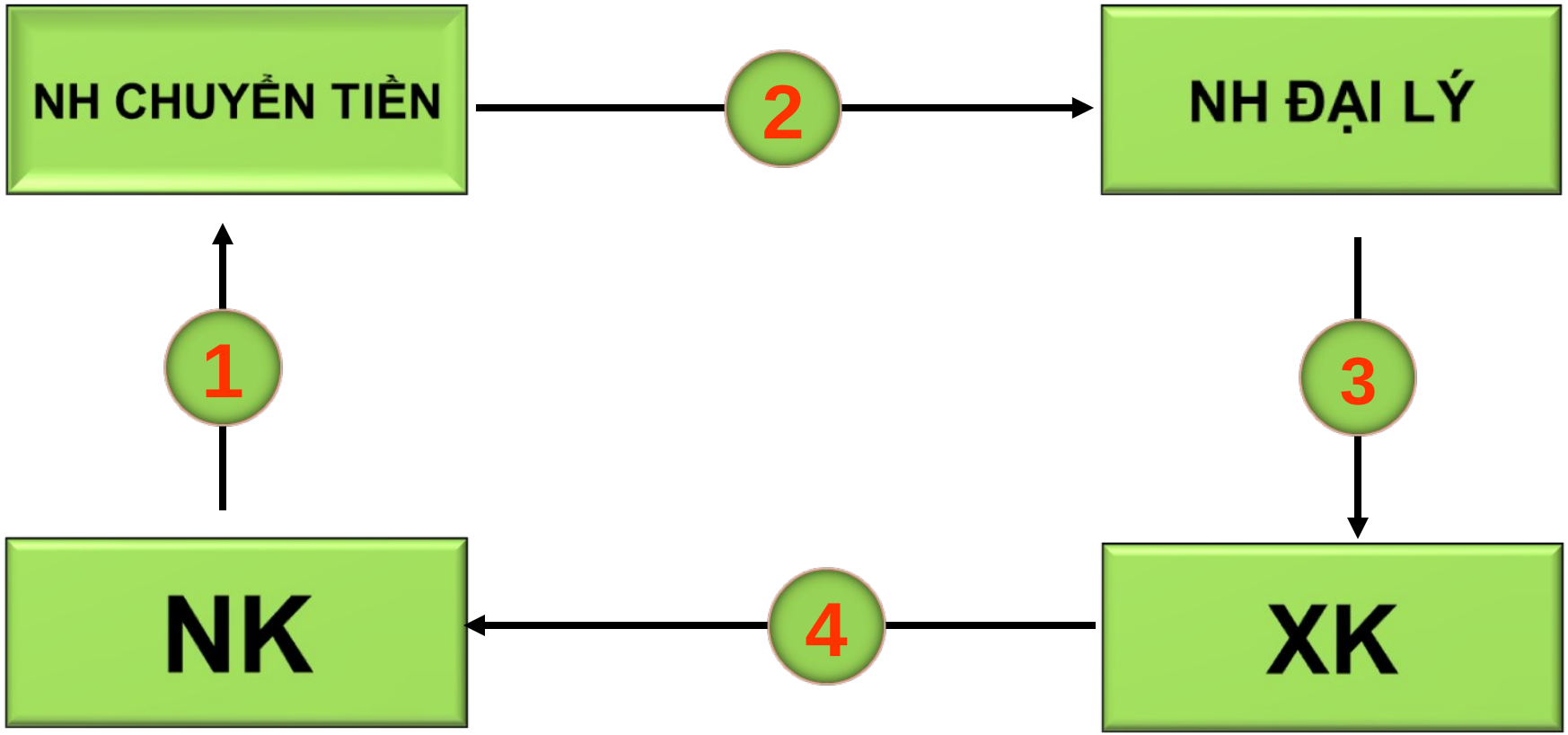

# 1. PT CHUYỂN TIỀN TRẢ SAU

Quy trình thanh toán

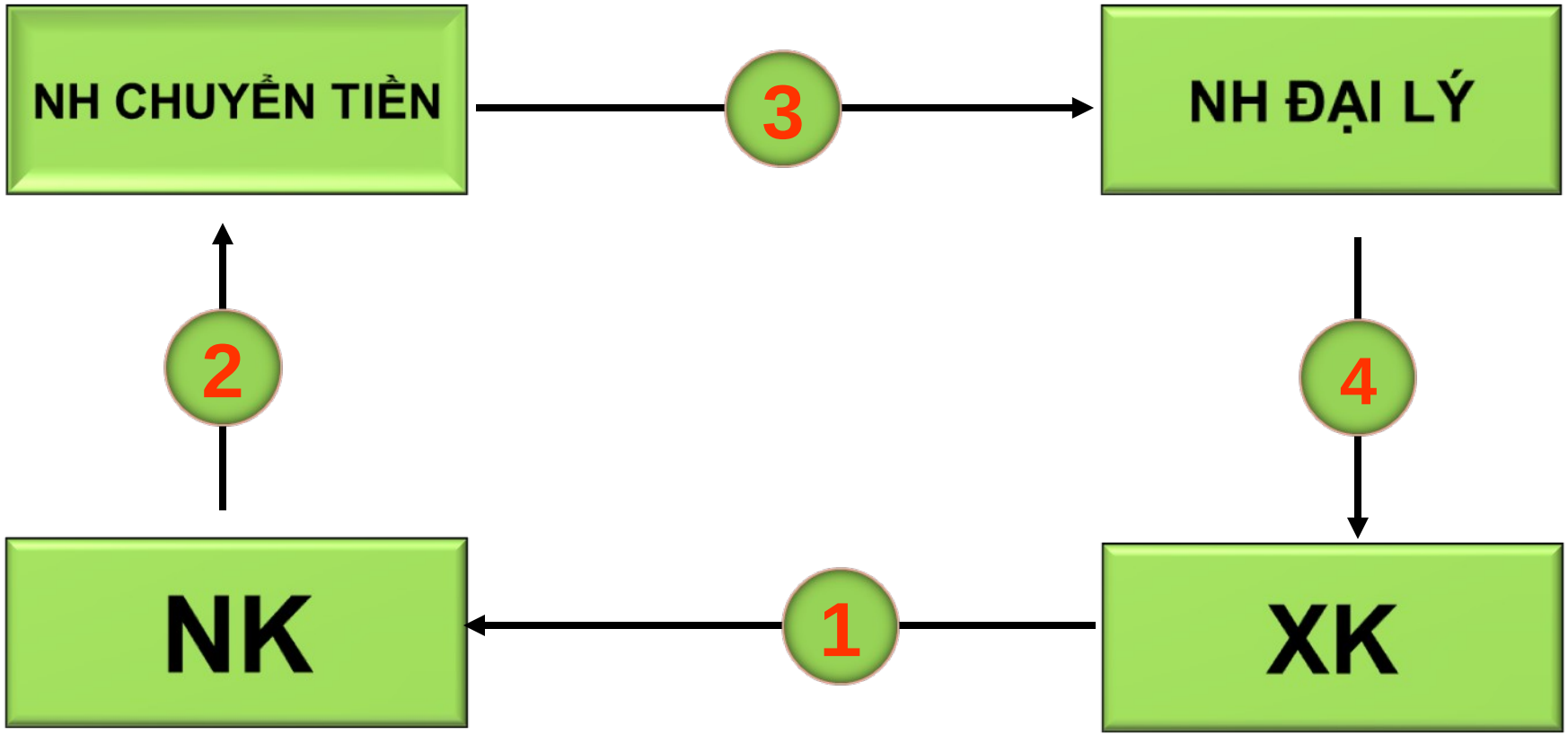

# 2. PT NHỜ THU

Khái niệm:

*Là PTTT trong đó người XK sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ tiến hành uỷ thác cho NH phục vụ mình thu hộ tiền từ người NK dựa trên HP hoặc chứng từ do người XK lập ra.*

Văn bản được tham chiếu:

URC 522 (The Uniform Rules for Collection 522, 1995 reversion, in force 1/1/1996) – Quy tắc thống nhất về nhờ thu.

# 2. PT NHỜ THU

Các bên liên quan:

- Người uỷ nhiệm thu (Principal): người XK.
- NH chuyển tiền (Remitting bank): NH phục vụ người uỷ nhiệm thu.
- NH xuất trình (Presenting bank): NH xuất trình chứng từ cho người trả tiền.
- Người trả tiền (Drawee): người NK.

# 2. PT NHỜ THU

Phân loại:

- Nhờ thu trơn (Clean Collection)
- Nhờ thu kèm chứng từ (Documentary Collection)
  - Nhờ thu D/A (Documents against Acceptance)
  - Nhờ thu D/P (Documents against Payment)
  - Nhờ thu DOT (Documents against Other Terms)

# 2. PT NHỜ THU TRƠN

Quy trình

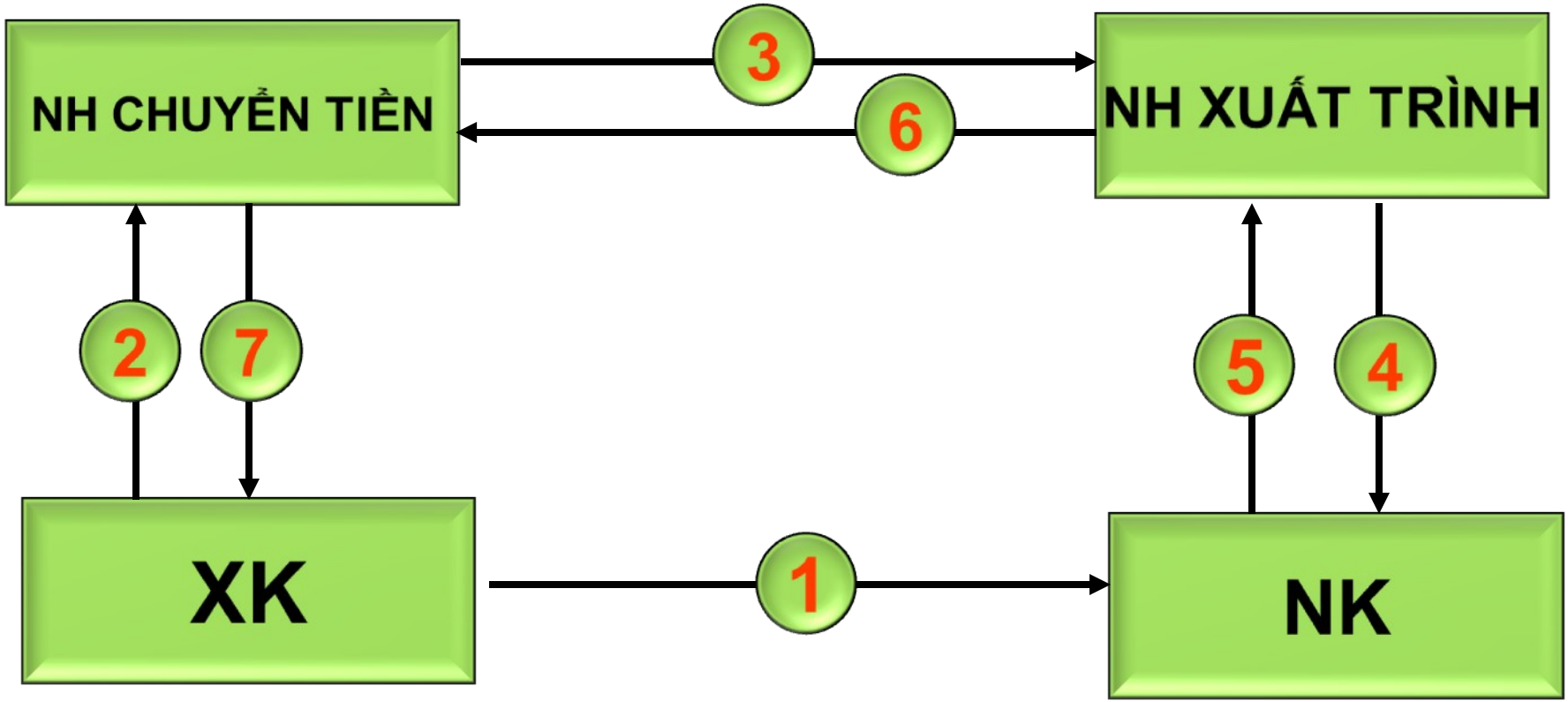

# 2. PT NHỜ THU KÈM CHỨNG TỪ

Quy trình

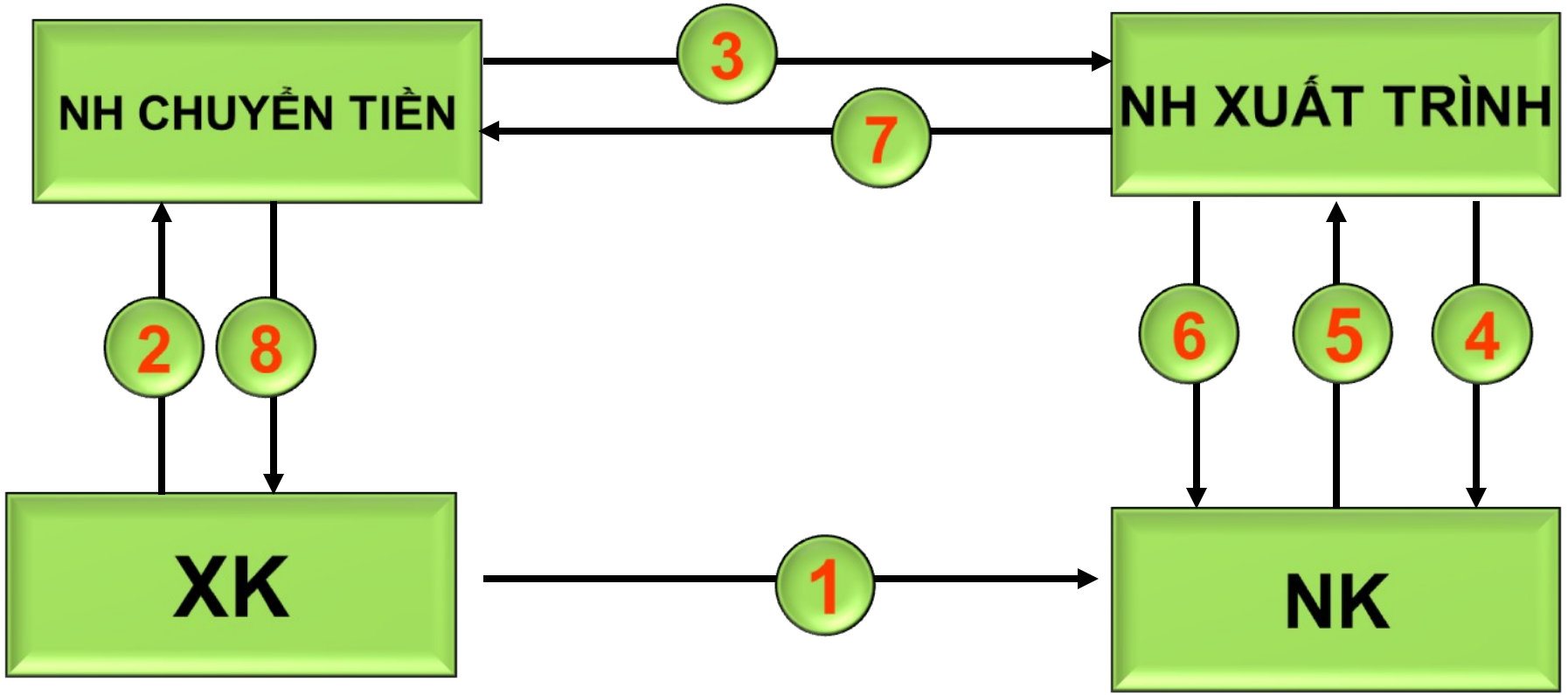

# 3. PT TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Khái niệm:

*Là PTTT trong đó một NH theo yêu cầu của khách hàng cam kết sẽ trả một số tiền nhất định cho người thụ hưởng hoặc chấp nhận HP do người này ký phát trong phạm vi số tiền đó nếu người này xuất trình được bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định trong thư tín dụng.*

Văn bản được tham chiếu:

UCP 600 (Uniform Customs and Practice for Documentary Creditcs) – Quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ có hiệu lực từ ngày 01/07/2007.

# 3. PT TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Các bên liên quan:

- Người xin mở L/C (Applicant): người NK.
- Người hưởng lợi (Beneficiary): người XK.
- NH mở thư tín dụng (L/C issuing bank): NH phục vụ người NK.
- NH thông báo thư tín dụng (L/C advising bank): NH phụ vụ người XK, thông báo cho người XK biết thư TD đã mở.
- Ngoài ra còn có: NH xác nhận (confirming bank), NH thanh toán (paying bank), NH thương lượng (negotiating bank), NH chuyển nhượng (transfering bank), NH chấp nhận (accepting bank)…

# 3. PT TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Các nguyên tắc cơ bản khi thực hiện TDCT:

- Tính độc lập
- Tính tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện của TDCT

# 3. PT TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Thư tín dụng (Letter of Credit – L/C): là văn bản do NH mở L/C lập ra theo yêu cầu của người NK nhằm cam kết trả tiền cho người XK một số tiền nhất định, trong một thời gian nhất định với đk người này thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản quy định trong văn bản đó.

# 3. PT TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Các loại thư tín dụng:

- Thư TD có thể huỷ ngang (Revocable L/C).
- Thư TD không thể huỷ ngang (Irrevocable L/C).
- Thư TD không huỷ ngang có xác nhận (Confirmed irrevocable L/C).
- Thư TD giáp lưng (Back to back L/C).
- Thư TD có điều khoản đỏ (Red Clause L/C)
- Thư TD có thể chuyển nhượng (Transferbable L/C)
- Thư TD tuần hoàn (Revovlving L/C)
- Thư TD dự phòng (Standby L/C).

# 3. PT TÍN DỤNG CHỨNG TỪ
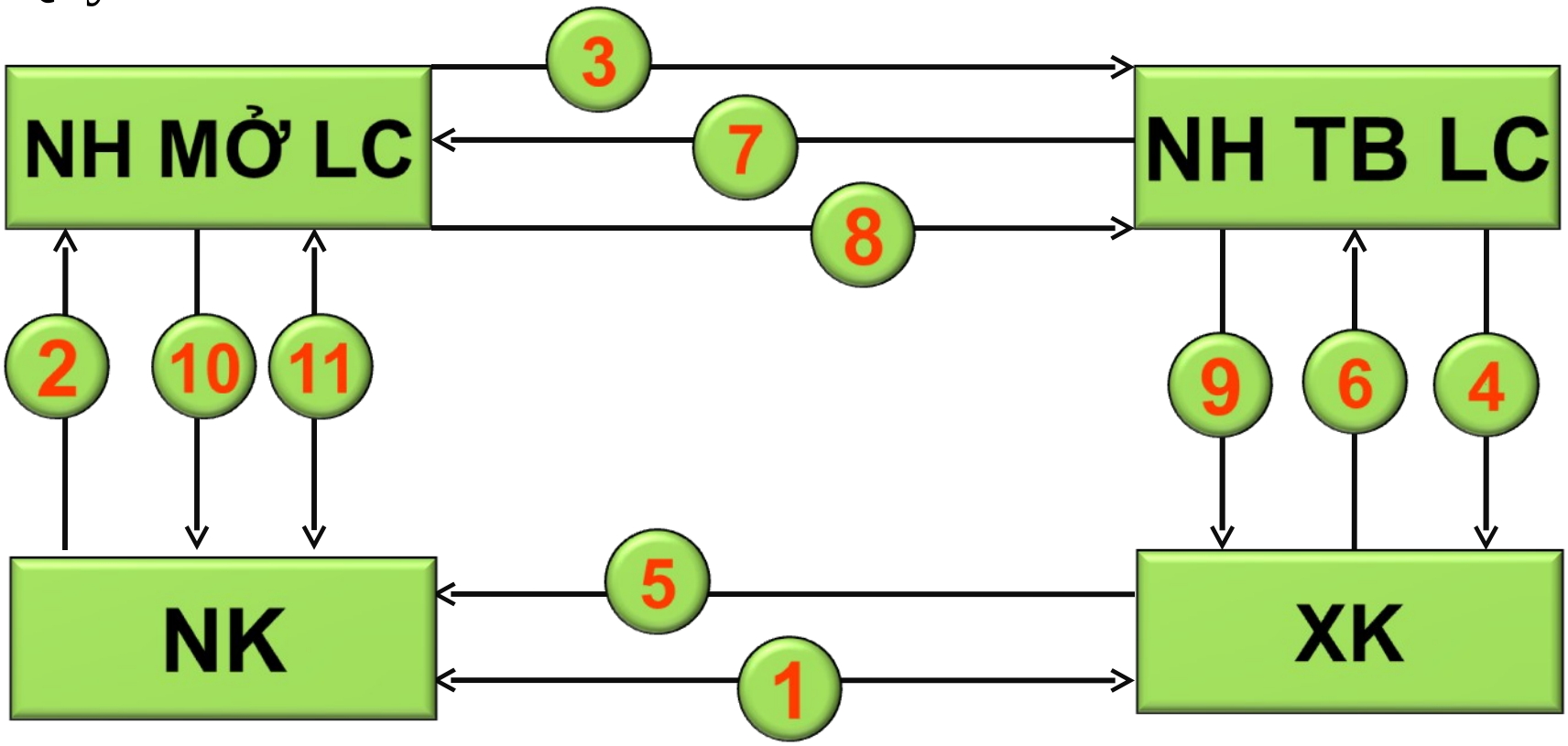
Quy trình thanh toán